

Bản án số: 10/2020/DS-PT
Ngày: 04 – 02 - 2020
V/v tranh chấp yêu cầu mở đường
cấp, thoát nước

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Phạm Hùng Nuôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Mã Quế Khanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 tháng 02 tháng 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019, về “Tranh chấp yêu cầu mở đường cấp, thoát nước”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST, ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 265/2019/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Trần Bé T, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp AT, xã AH, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Hồ Chí Bửu – Công ty Luật Hợp Danh Đông Á, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, chi nhánh Sóc Trăng. Địa chỉ: số 03, đường Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 3, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn:

Bà Dương Thị Th, sinh năm 1963 (có mặt).

Ông Kim Kh, sinh năm 1962 (vắng mặt). Ông Kim Kh ủy quyền cho bà Dương Thị Th (theo văn bản ủy quyền ngày 13.6.2019).

Cùng địa chỉ: ấp GCH xã AH, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn: ông Nguyễn Văn Ninh, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ liên hệ: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng, số 97 Hùng Vương, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người phiên dịch tiếng Khmer: Bà Sơn Hồng Vân – nguyên cán bộ Báo Sóc Trăng, hiện là cán bộ hưu trí.

- *Người kháng cáo:* Bà Dương Thị Th là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn ông Trần Bé T trình bày như sau:* Vào ngày 30/3/2005, vợ chồng ông Kim Kh, bà Dương Thị Th có thỏa thuận chuyển nhượng cho ông đường cấp, thoát nước có diện tích chiều ngang 02m x dài 20m đi qua phần đất ruộng của ông Kh, bà Th tại thửa 112, tờ bản đồ 4, tọa lạc tại ấp GCH, xã AH, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng để ông sử dụng làm đường cấp, thoát nước để canh tác phần đất ruộng 22 công nằm phía trong, không có đường cấp thoát nước ra kênh thủy lợi, việc chuyển nhượng đường cấp, thoát nước có làm giấy tờ tay, có xác nhận của ông Dương Q là phó Ban nhân dân ấp GCH, xã AH, giá chuyển nhượng là 02 chỉ vàng 24K, ông đã sử dụng đường cấp, thoát nước từ năm 2005 cho đến nay. Đến đầu tháng 5 năm 2019, thì giữa ông với vợ chồng ông Kh, bà Th xảy ra mâu thuẫn trong vấn đề cầm cố đất ruộng nên vợ chồng ông Kh, bà Th ngăn cản không cho ông sử dụng và chiếm lại đường cấp, thoát nước đã chuyển nhượng nêu trên, làm ảnh hưởng đến việc canh tác 22 công lúa của ông, làm ông bị thiệt hại, lúa xạ nhiều lần không lên được do không có đường thoát nước ra kênh thủy lợi. Vụ việc tranh chấp được UBND xã AH hòa giải nhưng không thành. Nay ông khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông Kim Kh và bà Dương Thị Th giao trả lại cho ông đường cấp, thoát nước đã chuyển nhượng năm 2005 nêu trên. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông T và vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày và yêu cầu thay đổi nội dung đơn khởi kiện ngày 29/5/2019 đối với bị đơn. Yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho nguyên đơn được quyền mở đường cấp, thoát nước qua phần đất ruộng thửa số 112 của bị đơn theo hiện trạng đường cấp, thoát nước cũ mà bị đơn đã chuyển nhượng cho nguyên đơn vào năm 2005, có diện tích ngang 02m x chiều dài một đoạn phù hợp để làm đường cấp, thoát nước cho phần đất ruộng tại thửa 86 của nguyên đơn đang canh tác lúa.

- *Bị đơn bà Dương Thị Th trình bày như sau:* Vào năm 2005, vợ chồng bà có cầm cố cho ông Trần Bé T 06 công đất ruộng tại thửa 112, tờ bản đồ 4, tọa lạc tại ấp GCH, xã AH, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng, giá cổ đất 06 công là 80 chỉ vàng 24K, hai bên thỏa thuận đến tháng 04/2019 thì chuộc lại đất. Trong thời gian cổ đất, do phần đất ruộng của ông T nằm phía trong, còn đất của vợ chồng bà nằm phía ngoài cặp kênh thủy lợi nên ông T đã tự ý đào đường cấp, thoát nước có chiều ngang 02m x dài 20m qua phần đất của vợ chồng bà để làm đường cấp, thoát nước cho đất ruộng của ông T, vợ chồng bà không có bán đường cấp, thoát nước như ông T trình bày. Do đã đến hạn chuộc lại đất cổ, vợ chồng bà đã trả đủ 80 chỉ vàng 24K cho ông T và lấy lại đất cầm cố nên không đồng ý cho ông T sử dụng đường cấp, thoát

nước mà ông T tự đào đi qua phần đất của vợ chồng bà. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu mở đường cấp, thoát nước có diện tích ngang 02m x dài 20m đi qua phần đất ruộng tại thửa 112 của bà thì vợ chồng bà không đồng ý, dù nguyên đơn có yêu cầu xin mở qua đất của vợ chồng bà 01m cũng không được.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2019 của người làm chứng ông Dương Q trình bày:* Trước đây, vào khoảng năm 1995 ông công tác tại ấp Giồng Chùa B, năm 2004 đến năm 2010, ông là phó Ban nhân dân ấp GCH, xã AH, ông là em ruột của bà Dương Thị Th. Vào năm 2005, ông có ký và xác nhận vào “Tờ Hợp đồng sang đất ngày 30.3.2005” giữa ông Trần Bé T với ông Kim Kh, khi ông ký xác nhận “Tờ Hợp đồng sang đất” là do ông T đem đến nhờ ông ký xác nhận, không có mặt của vợ chồng ông Kh, bà Th, còn nội dung chuyển nhượng phần đường nước và giá chuyển nhượng là 02 chỉ vàng 24K, cũng như việc giao trả vàng như thế nào thì lâu quá ông không nhớ.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 29-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 244; khoản 2 Điều 229; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, 4 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng: Điều 245, Điều 248, Điều 252 và Điều 253 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 166, Điều 171 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Bé T đối với bị đơn ông Kim Kh, bà Dương Thị Th về việc yêu cầu mở đường cấp, thoát nước.

Buộc bị đơn ông Kim Kh, bà Dương Thị Th có nghĩa vụ cho nguyên đơn ông Trần Bé T mở một đường cấp, thoát nước có diện tích 10m² (chiều ngang 02m x dài 05m) đi qua thửa đất 112, tờ bản đồ 4, tọa lạc tại ấp GCH, xã AH, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng của bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 23/11/1991; Có số đo cụ thể như sau:

- + Hướng Đông giáp thửa 112 còn lại, có số đo: 05m.
- + Hướng Tây giáp thửa 85 và 113, có số đo: 05m.
- + Hướng Nam giáp đường nước của thửa 112 còn lại, có số đo: 02m.
- + Hướng Bắc giáp đường nước của thửa 86, có số đo: 02m.

(Có sơ đồ kèm theo).

Buộc nguyên đơn ông Trần Bé T có nghĩa vụ bồi thường bị đơn ông Kim Kh, bà Dương Thị Th giá trị diện tích đất bị thiệt hại 10m² tương ứng số tiền là 250.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 bà Dương Thị Th kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ phần bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 29-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Bé T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu theo đơn kháng cáo và các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Th và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày không thống nhất với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T hoặc hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Do việc thay đổi yêu cầu của ông T là một quan hệ pháp luật khác.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị Th là không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo ngày 12/11/2019 của bị đơn bà Dương Thị Th nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Xét về nội dung vụ án thì thấy:

[3.1] Ông Trần Bé T đứng tên phần đất thuộc thửa 86 tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp GCH, xã AH, huyện MT (nay là CT), tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 516423 cấp ngày 09 tháng 6 năm 1999 và thửa 87 tờ bản

đồ số 04, tọa lạc tại ấp GCH, xã AH, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 078666 cấp ngày 16 tháng 7 năm 2010, phần đất này của ông Trần Bé T phía Bắc giáp với đất của ông Kim Kh và bà Dương Thị Th thuộc thửa 112, tờ bản đồ số 4 do ông Kim Kh đứng tên quyền sử dụng đất vào ngày 23 tháng 11 năm 1991. Phía ngoài đất của Kh là con kênh thủy lợi, ông T sử dụng đường nước từ con kênh này để dẫn nước qua phần đất của ông Kh vào đất của ông.

[3.2] Vào năm 2005 khi có phần đất của ông Kh để canh tác thì ông Trần Bé T đã đào một đường nước từ đất của ông qua phần đất thửa 112 của ông Kh để lấy nước từ kênh canh tác lúa. Đến năm 2019 đến hạn chuộc đất thì ông Kh đã chuộc lại đất và không cho ông T cấp thoát nước từ đường nước này và lấp lại từ đó gây khó khăn cho ông T trong việc cấp thoát nước để canh tác lúa. Ông T cho rằng vào năm 2005 ông chuyển nhượng phần đường nước có chiều ngang 02 m, dài 20m với giá 02 chỉ vàng 24k, phía bị đơn không thừa nhận và tại phiên tòa ông T chỉ yêu cầu mở đường nước theo quy định pháp luật chứ không đòi lại đường nước như khởi kiện ban đầu. Do yêu cầu của ông T về bản chất là yêu cầu về đường nước cấp thoát nước và việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không làm thay đổi bản chất cũng như việc thu thập chứng cứ nên cấp sơ thẩm chấp nhận xem xét việc thay đổi này là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ và xem xét thẩm định tại chỗ phần đường nước có diện tích theo đo đạc thực tế có diện tích 125,6m, chiều ngang 2m dài 62,8m nằm trên thửa đất số 112 của ông Kh. Trên thực tế phần đường nước này hướng Đông giáp với phần còn lại của thửa đất số 112, hướng Tây giáp với thửa 85 do ông Trần Văn Nh canh tác, thửa 113 và 818 của ông Trần Bé T canh tác. Qua kết quả xem xét thẩm định thì thấy rằng ông Trần Bé T có thể cấp thoát nước từ kênh thủy lợi vào thửa đất số 86 thì có thể lấy nước từ thửa 818, 113 do ông đang canh tác và một đoạn qua thửa 112 của ông Kh có chiều ngang 02m, chiều dài 05m. Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 16/01/2020 thì thấy rằng việc mở đường cấp, thoát nước để canh tác thửa 86 của ông Trần Bé T chỉ có qua thửa đất 112 là thuận tiện và ngắn nhất, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn cũng thừa nhận việc chảy nước qua đất bà là thuận tiện và gần nhất nhưng là đất bà nên bà không đồng ý cho chảy qua đất của bà. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 252 và 253 chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là mở đường nước có diện tích 10m² (chiều ngang 02m, chiều dài 05m) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị Th và đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Có cơ sở chấp nhận đề nghị của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Dương Thị Th phải chịu án phí 300.000 đồng vì kháng cáo của bà Th không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị Th

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 244; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, 4 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng: Điều 245, Điều 248, Điều 252 và Điều 253 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 166, Điều 171 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1./ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Bé T đối với bị đơn ông Kim Kh, bà Dương Thị Th về việc yêu cầu mở đường cấp, thoát nước.

2./ Buộc bị đơn ông Kim Kh, bà Dương Thị Th có nghĩa vụ cho nguyên đơn ông Trần Bé T mở một đường cấp, thoát nước có diện tích 10m² (chiều ngang 02m x dài 05m) đi qua thửa đất 112, tờ bản đồ 4, tọa lạc tại ấp GCH, xã AH, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng của bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 23/11/1991; Có số đo cụ thể như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa giáp phần còn lại của thửa 112, có số đo 05m.

+ Hướng Tây giáp thửa 85 và 113, có số đo 05m.

+ Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 112 (phần đường nước cũ trên thửa 112) có số đo 02m.

+ Hướng Bắc giáp đường nước của thửa 86, có số đo 02m.

(Có sơ đồ kèm theo).

3./ Buộc nguyên đơn ông Trần Bé T có nghĩa vụ bồi thường bị đơn ông Kim Kh, bà Dương Thị Th giá trị diện tích đất bị thiệt hại 10m² tương ứng số tiền là 250.000 (Hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

4./ Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Nguyên đơn ông Trần Bé T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận một phần và bồi thường thiệt hại cho bị đơn. Ông Trần Bé T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm

ứng án phí theo biên lai thu số 0006885 ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng được đối trừ, như vậy ông T đã nộp xong.

[4.2] Bị đơn ông Kim Kh, bà Dương Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5./ Về chi phí thẩm định, định giá: Số tiền là 1.650.000 đồng, nguyên đơn ông Trần Bé T đồng ý chịu khoản tiền chi phí thẩm định, định giá này Nguyên đơn ông Trần Bé T đã dự nộp tạm ứng số tiền 1.650.000 đồng được đối trừ, nên đã thực hiện xong.

6./ Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Dương Thị Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008899 ngày 12/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, bà Th đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Tôn Thị Thanh Thúy